

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thủy lợi; Chuyên ngành: Kỹ thuật và quản lý Môi trường

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: BÙI QUỐC LẬP

2. Ngày tháng năm sinh: 13/09/1973; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Lương

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Vĩnh Lại – Huyện Lâm Thao – Tỉnh Phú Thọ

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 24, ngõ 25, phố Cự Lộc - Nhân Chính - Thanh Xuân – Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Bùi Quốc Lập – Khoa Hóa và Môi trường – Đại học Thủy lợi, 175 Tây Sơn – Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại di động: 0902.087.509; E-mail: buiquoclup@tlu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm: đến tháng, năm:

Thời gian	Công việc	Chức vụ	Cơ quan
10/1996 - 03/2003	Tư vấn lập các dự án đầu tư xây dựng thủy lợi (Học tại chức Cao học từ 10/1996 – 12/1999)	Kỹ sư tư vấn	Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt nam (HEC)
04/2003 – 03/2004	Học dự bị Tiến sỹ chuyên ngành Khoa học Môi trường sản xuất sinh học	Học viên dự bị Tiến sỹ	Đại học Kyushu, thành phố Fukuoka, Nhật Bản

04/2004 – 03/2007	Nghiên cứu sinh Tiến sỹ chuyên ngành Khoa học Môi trường sản xuất sinh học	Nghiên cứu sinh kiêm trợ giảng	Đại học Kyushu, thành phố Fukuoka, Nhật Bản
04/2007 - 09/2007	Giảng viên thuộc Bộ môn Môi trường, Khoa môi trường	Giảng viên	Trường Đại học Thủy lợi
10/2007 – 10/2009	Nghiên cứu viên sau Tiến sỹ (Postdoctor) kiêm giảng viên	Nghiên cứu viên kiêm Giảng viên	Đại học Kyushu, Fukuoka – Nhật Bản. Đại học Thủy lợi
11/2009 – 09/2010	Giảng dạy tại Bộ môn Môi trường, Khoa Môi trường	Giảng viên	Đại học Thủy lợi
10/2010 – 3/2021	Giảng dạy tại Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa môi trường (từ 6/2019 là Khoa Hóa & Môi trường)	Trưởng bộ môn Quản lý môi trường	Đại học Thủy lợi
06/2011 – 03/2016	Giảng dạy tại Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường	Trưởng bộ môn Quản lý môi trường kiêm Phó trưởng khoa Môi trường	Đại học Thủy lợi
08/2015 – 10/2015	Nghiên cứu viên kiêm giảng viên	Nghiên cứu viên kiêm Giảng viên	Đại học Kyushu, Nhật Bản Đại học Thủy lợi
04/2016 – 03/2021	Giảng dạy tại Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường (từ 6/2019 là Khoa Hóa & Môi trường)	Trưởng bộ môn Quản lý môi trường; Trưởng khoa	Đại học Thủy lợi
04/2021 – nay	Giảng dạy tại Bộ môn Kỹ thuật và Quản lý Môi trường, Khoa Hóa & Môi trường	Giảng viên cao cấp	Đại học Thủy lợi

Chức vụ: Hiện nay: *Giảng viên cao cấp*; Chức vụ cao nhất đã qua: *Trưởng Khoa*

Cơ quan công tác hiện nay: *Bộ môn Kỹ thuật và Quản lý môi trường – Khoa Hóa và Môi trường, Đại học Thủy lợi*

Địa chỉ cơ quan: *175 Tây Sơn – Đống Đa – Hà Nội*

Điện thoại cơ quan: (024) 3564.0704

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): *Đại học Quốc gia Lào*

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): *Giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Thủy lợi*

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 06 năm 1996; số văn bằng: A147033; ngành: *Thủy lợi*, chuyên ngành: *Kinh tế thủy lợi*; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): *ĐH Thủy lợi, Việt Nam*

- Được cấp bằng ThS ngày 16 tháng 05 năm 2000; số văn bằng: 14599; ngành: *Quản trị kinh doanh*; chuyên ngành: *Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng cơ bản*; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): *Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam*

- Học dự bị Tiến sỹ chuyên ngành *Khoa học Môi trường sản xuất sinh học*, ngành *Khoa học Môi trường và Tài nguyên sinh học*, Đại học Kyushu, Nhật Bản từ 04/2003 – 03/2004

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 03 năm 2007; số văn bằng: 358; ngành: *Khoa học Môi trường và Tài nguyên sinh học*; chuyên ngành: *Khoa học Môi trường sản xuất sinh học*; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): *Đại học Kyushu, Nhật Bản*

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 01 tháng 11 năm 2013, ngành: *Thủy lợi*

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GIÁO SƯ tại HĐGS cơ sở: *Trường Đại học Thủy lợi*

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GIÁO SƯ tại HĐGS ngành, liên ngành: *Thủy lợi*

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

13.1. *Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu giám sát và đánh giá chất lượng môi trường*

13.2. *Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu mô hình hóa chất lượng nước sông/hồ*

13.3. *Hướng nghiên cứu 3: Nghiên cứu các giải pháp, công nghệ xử lý nước và nước thải theo hướng chi phí thấp và thân thiện với môi trường*

13.4. *Các nghiên cứu bổ trợ khác*

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ...**01**... NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng)**32**.. HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **01** cấp Nhà nước (đề tài Nafosted); **05** cấp Bộ và tương đương (01 do Hiệp hội thúc đẩy khoa học Nhật Bản (JSPS) tài trợ; 01 do Quỹ nước và Môi trường Kurita Nhật Bản tài trợ; 01 do Quỹ Jasso Nhật Bản tài trợ; 01 nhiệm vụ môi trường cấp Bộ; 01 chủ nhiệm đề tài nhánh thuộc đề tài cấp Quốc gia); **02** cấp Cơ sở; và nhiều nhiệm vụ KHCN khác (tham gia các Hội đồng thẩm định, nghiệm thu các đề tài, dự án, các hội đồng đánh giá luận văn Thạc sỹ, luận án Tiến sỹ.v.v.).

- Đã công bố (số lượng): **56** bài báo khoa học, trong đó **27** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản **06**, trong đó **06** thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sỹ thi đua cấp Cơ sở các năm: năm học 2014 – 2015 (QĐ số 1871/QĐ-ĐHTL ngày 06/08/2015); năm học 2015 – 2016 (QĐ số 1806 /QĐ-ĐHTL ngày 26/08/2016); năm học 2016 – 2017 (QĐ số 1731 /QĐ-ĐHTL ngày 30/08/2017); năm học 2017 – 2018 (QĐ số 1734 /QĐ-ĐHTL ngày 28/08/2018); năm học 2018 – 2019 (QĐ số 1748 /QĐ-ĐHTL ngày 28/08/2019); năm học 2019 – 2020 (QĐ số 1255/QĐ-ĐHTL ngày 18/8/2020); năm học 2020 – 2021 (QĐ số 1411/QĐ-ĐHTL ngày 01/10/2021); năm học 2021 – 2022 (QĐ số 1670/QĐ-ĐHTL ngày 12/08/2022)
 - Bằng khen của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT năm 2014 (QĐ số 4265/QĐ-BNN-TCCB ngày 07/10/2014 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT);
 - Chiến sỹ thi đua cấp Bộ năm 2015 (QĐ số QĐ 4705/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/11/2015 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT)
 - Chiến sỹ thi đua cấp Bộ năm 2018 (QĐ số QĐ 4011/QĐ-BNN-TCCB ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT)
 - Chiến sỹ thi đua cấp Bộ năm 2022 (QĐ số 3970/QĐ-BNN-TCCB ngày 19/10/2022 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT)
 - Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2020 (QĐ số 779/QĐ-TTg ngày 08/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ)
 - Giấy khen đảng viên “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” 5 năm liền (2011 – 2015) (QĐ số 395-QĐ/ĐUK ngày 21/01/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội)
 - Giấy khen đảng viên “có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện nhiệm vụ công tác được giao năm 2018” (QĐ số 2915 – QĐ/ĐUK ngày 30/11/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội)
 - Giấy khen đảng viên “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” 5 năm liền (2016 – 2020) (QĐ số 406-QĐ/ĐUK ngày 22/01/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội)
16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Là một giảng viên, tôi tự nhận thấy mình có đầy đủ tiêu chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo, được thể hiện ở các khía cạnh sau :

* Về tiêu chuẩn :

- Có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng. Thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết, chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Thủy lợi. Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo của Bộ GD&ĐT; Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT.
- Được đào tạo chính quy về mặt chuyên môn, kỹ năng sư phạm trong đào tạo bậc đại học, quản lý giáo dục, cao cấp chính trị và kinh nghiệm nghiên cứu khoa học;
- Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, lý lịch rõ ràng;
- Giảng dạy theo đúng mục tiêu, nguyên lý và chương trình giáo dục quy định;

- *Giương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo;*
- *Luôn có ý thức rèn luyện, trau dồi học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học;*
- *Có ý thức giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của nhà giáo;*

** Về nhiệm vụ :*

- *Thực hiện đầy đủ các Quy định, nội quy, quy chế của Bộ giáo dục & đào tạo, của Bộ Nông nghiệp & PTNT, và của trường Đại học Thủy lợi.*
- *Chấp hành tốt sự phân công công việc của Bộ môn, Khoa và của Trường.*
- *Luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong giảng dạy và NCKH (Luôn hoàn thành vượt định mức giảng dạy và NCKH; Liên tục là Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở từ năm 2015 đến nay; Chiến sỹ thi đua cấp Bộ năm 2015, 2018 và 2022; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT năm 2014; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2020; Hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp Nhà nước, 05 đề tài cấp Bộ và tương đương và 02 đề tài NCKH cấp cơ sở; Hướng dẫn thành công 01 NCS, 32 LVCH và nhiều ĐATN)*
- *Biên soạn 6 sách phục vụ đào tạo, cập nhật bài giảng, tài liệu phục vụ giảng dạy.*
- *Không ngừng trau dồi nâng cao trình độ chuyên môn; tăng cường giao lưu, trao đổi quốc tế trong hoạt động nghề nghiệp (đã tham gia nhiều Hội thảo quốc tế và thỉnh giảng tại Nhật Bản, Thái Lan, Lào...)*
- *Luôn có ý thức phấn đấu trở thành giáo viên dạy giỏi, gương mẫu trong các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học*

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số **16** năm.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/Số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
03 năm học cuối								
1	2020-2021			02	05	225	225	450/495/257
2	2021-2022			02	03	96	104	200/224/180
3	2022-2023			01	03	157	72	271/281/180

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Nhật Bản năm 2007

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Quốc gia Lào, CHDCND Lào

d) Đối tượng khác ☒ ; Diễn giải: Tham gia các khóa học ngắn hạn tại nước ngoài bằng tiếng Anh; công bố các bài báo khoa học chuyên môn trên các tạp chí chuyên ngành bằng tiếng Anh có uy tín; tham gia các hội thảo khoa học bằng tiếng Anh.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Tạ Đăng Thuần	x		x		6/2016 – 6/2019	Đại học Thủy lợi	24/02/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS						
II	Sau khi được công nhận PGS						
1	Phụ dưỡng ở các vực nước tĩnh và phương pháp mô hình hóa	CK	NXB khoa học và kỹ thuật, 2022	2	x	Xây dựng đề cương; Tr.1 – Tr.109 (50 %)	GXN số 419/GXN-ĐHTL ngày 15/06/2022 của Đại học Thủy lợi; GXN ngày 24/6/2022 của

							Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam
2	Quản lý chất lượng nước	GT	NXB Bách Khoa Hà Nội, 2020	2	x	Xây dựng đề cương; Biên soạn từ trang 1 đến trang 184 (81%)	GXN số 589/GXN-ĐHTL ngày 5/7/2021 của Đại học Thủy lợi
3	Luật và Chính sách môi trường	GT	NXB khoa học và kỹ thuật, 2022	2	x	Xây dựng đề cương; 1 – đến hết Mục 3.2 (125); Mục 3.3 (125 – 141 viết chung); 142 – 182; Mục 5.3 (182 – 208 viết chung); 209 – 215; Mục 6.4 (209 – 216 viết chung); Mục 6.4 (216 – 225 viết chung); Mục 6.6: 227 – 232 (91,25 %)	GXN số 420/GXN-ĐHTL ngày 15/06/2022 của Đại học Thủy lợi
4	Quy hoạch môi trường làng nghề	TK	NXB khoa học tự nhiên và công nghệ, 2017	3		55 – 70; 107 – 121; 137 – 158; tham gia rà soát tổng thể	GXN số 589/GXN-ĐHTL ngày 5/7/2021 của Đại học Thủy lợi
5	Quản lý tài nguyên và môi trường	TK	NXB Bách Khoa Hà Nội, 2019	2	x	Xây dựng đề cương; Biên soạn từ trang 1 đến trang 108	GXN số 589/GXN-ĐHTL ngày 5/7/2021 của Đại học Thủy lợi; GXN ngày 31/5/2021 của ĐH Mỏ - Địa chất
6	Hướng dẫn giám sát và đánh giá chất lượng nước	HD	NXB khoa học và kỹ thuật, 2021	1	x	Toàn bộ	GXN số 589/GXN-ĐHTL ngày 5/7/2021 của Đại học Thủy lợi

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: **1** [1]

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu ảnh hưởng của bèo Tây đối với thủy động học chất lượng nước ở các vùng nước đứng (<i>Study on Effects of Water Hyacinths on Dynamics of Water Quality in Closed Water Bodies</i>)	CN	Hiệp hội thúc đẩy khoa học Nhật Bản (JSPS); Tương đương cấp Bộ	10/2007 – 10/2009	11/10/2009 Giấy chứng nhận hoàn thành của ĐH Kyushu ngày 27/4/2012
2	Khảo sát và mô phỏng điều kiện chất lượng nước hồ Tây, Hà nội (<i>Investigating and modeling water quality conditions of the West Lake in Hanoi</i>)	CN	Quỹ nước & Môi trường Kurita(Nhật Bản); Tương đương cấp Bộ	10/2010 – 9/2011	“Chứng nhận tài trợ và hoàn thành đề tài nghiên cứu” ngày 10/04/2012 của Tổng giám đốc Quỹ nước và Môi trường Kurita; Xếp loại: Thành công
3	Đánh giá năng lực lập kế hoạch và dự phòng ứng phó về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trong tình trạng khẩn cấp và biến đổi khí hậu	CN	Cấp Cơ sở	3/2011 – 3/2012	Số 1026/QĐ-ĐHTL ngày 16/03/2012 kèm “Biên bản đánh giá kết quả đề tài NCKH cấp Trường” ngày 26/03/2012; Xếp loại: Khá
4	Nghiên cứu thí điểm áp dụng công nghệ	CN	Cấp cơ sở	5/2012 – 5/2013	Số 854/QĐ-ĐHTL ngày 17/5/2013 kèm “Biên bản đánh giá

	xử lý nước tự nhiên bằng phương pháp sinh học (vật liệu Aqualift 700P) của Nhật				kết quả đề tài NCKH cấp Trường” ngày 25/5/2013; Xếp loại: Khá
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
5	Phát triển mô hình k-e để mô phỏng thủy động lực học và chất lượng nước ở những vùng nước đứng, trường hợp nghiên cứu áp dụng cho một hồ tự nhiên ở Hà nội	CN	MS: 105.09- 2010.12; Cấp Nhà nước	12/2010 – 12/2013	QĐ số 71A/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 03/09/2014 và Số: 10435/GCN-TTKHCN
6	Nâng cao năng lực kỹ thuật và quản lý môi trường cho các nước Đông Nam Á (Lào, Thái Lan, Cam pu chia và Việt Nam)	TK	Tổ chức trao đổi học thuật Đức (DAAD); Tương đương cấp Bộ	2011 - 2018	QĐ số 2472/QĐ-ĐHTL ngày 11/12/2018 của Hiệu trưởng ĐHTL
7	Dự án hợp tác bảo tồn môi trường đất và nước ở các lưu vực Đông Nam Á (Collaborative Project for Soil and Water Conservation in Southeast Asian Watersheds - SOWAC) giữa ĐH Thủy lợi và ĐH Kyushu (Nhật Bản)	TK	Hiệp hội thúc đẩy khoa học Nhật Bản (JSPS); Tương đương cấp Nhà nước	08/2012 – 03/2015	03/2015 Xếp loại: Thành công
8	Phát triển mô hình toán cho việc dự báo hiện tượng phú dưỡng ở các vực nước đứng	CN	Chương trình “nghiên cứu, học tập ngắn hạn dành cho cựu lưu học sinh ở Nhật Bản” (JASSO); Tương	08/2015 – 10/2015	29/10/2015 Xếp loại: Thành công

			đương cấp Bộ		
9	Lập đánh giá môi trường chiến lược điều chỉnh chiến lược phát triển Thủy lợi	CN	Cấp Bộ	6/2019 – 12/2019	27/12/2019 Xếp loại: Đạt
10	Đề tài nhánh “Đánh giá rủi ro trượt lở đất tại hai khu vực nghiên cứu và đề xuất biện pháp giảm thiểu thiệt hại” (rủi ro đối với môi trường và con người) Thuộc đề tài cấp Nhà nước “Nghiên cứu thiết lập hệ thống quan trắc theo thời gian thực phục vụ cảnh báo sớm trượt lở đất”	CN	Đề tài nhánh thuộc đề tài Cấp Nhà nước (e-ASIA) tương đương cấp Bộ	04/2019 – 06/2022	25/06/2022 Xếp loại: Đạt
11	Xây dựng tài liệu hướng dẫn đánh giá nguy cơ sự cố môi trường và phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục theo các cấp độ rủi ro thiên tai	CN	Cấp Bộ	1/2021 – 6/2023	Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Building a mathematical	3	x	Journal of the Faculty of	SCIE	1	50 (1),	2/2005

	model for simulating river water quality, a case of study applied to the Tatara River in Fukuoka City			Agriculture, Kyushu University, Japan. ISSN 0023-6152.	(IF:0,594; Q4)		175 - 187	
2	Some primary characteristics of water quality in the Tatara River	3	x	Journal of the Faculty of Agriculture, Kyushu University (Japan), ISSN 0023-6152	SCIE (IF:0,594; Q4)	1	50 (2), 313 - 326	10/2005
3	A two - dimensional simulation of flow field in lakes under wind acting on the water surface and the impact of aquatic plants on the flow patterns	2	x	Journal of the Faculty of Agriculture, Kyushu University (Japan), ISSN 0023-6152.	SCIE (IF:0,594; Q4)	5	51 (1), 13 - 18	2/2006
4	Some primary characteristics of water quality in a closed water body in Sasaguri, Fukuoka Prefecture, Japan	3	x	Journal of the Faculty of Agriculture, Kyushu University (Japan), ISSN 0023-6152.	SCIE (IF:0,594; Q4)	2	51 (2), 315 - 321	10/2006
5	A two – dimensional model for water quality simulation in lakes and its application to Tabiishidani Lake in Sasaguri – Fukuoka Prefecture, Japan	2	x	Journal of the Faculty of Agriculture, Kyushu University (Japan), ISSN 0023-6152.	SCIE (IF:0,594; Q4)	3	51 (1), 19 – 27	2/2006
6	Numerical modeling of wind-induced circulation in shallow closed	3	x	Proceeding of 87th Annual Meeting of Kyushu Branch of the			87, 212 – 215	10/2006

	water bodies with floating aquatic plants			Japanese Society of Agricultural Engineering				
7	Study on wind shear acting on the water surface of closed water bodies	4	x	Journal of the Faculty of Agriculture, Kyushu University (Japan), ISSN 0023-6152.	SCIE (IF:0,594; Q4)		52 (1), 99 - 105	2/2007
8	A one-dimensional model for water quality simulation in medium- and small-sized rivers	3	x	Paddy and Water Environment, Electronic ISSN: 1611-2504 Print ISSN: 1611-2490	SCIE (IF: 1,924; Q2)	9	5 (1), 5 – 13	3/2007
9	A two-dimensional numerical model of wind-induced flow and water quality in closed water bodies	2	x	Paddy and Water Environment, Electronic ISSN: 1611-2504 Print ISSN: 1611-2490	SCIE (IF: 1,924; Q2)	17	5 (1), 29 - 40	3/2007
10	2-D simulation of wind-induced flow and water temperature in closed water bodies with water hyacinths	2	x	2008 ASABE Annual International Meeting, Providence, Rhode Island, USA. June 29 – July 2, 2008	ISI (American Society of Agricultural and Biological Engineers)		Paper #: 084691	7/2008
11	Formation and Disappearance of Thermal Stratification in a Small Shallow Lake	6	x	Journal of the Faculty of Agriculture, Kyushu University, ISSN 0023-6152	SCIE (IF:0,594; Q4)	7	54 (1), 251 -259	2/2009

12	Impact of luxuriant aquatic plants on thermal convection in a closed water body	4		Paddy and Water Environment, Electronic ISSN: 1611-2504 Print ISSN: 1611-2490	SCIE (IF: 1,924; Q2)	1	7 (3), 187 - 195	9/2009
13	Mô hình số thủy động lực học ở các vùng nước đứng dưới tác dụng của gió	1	x	Tạp chí khoa học kỹ thuật thủy lợi & Môi trường, ISSN 1859 - 3941			32, 40 - 46	3/2011
14	Investigation of water quality dynamics in the Truc Bach Lake of Hanoi toward to simulation of its water quality	3	x	<i>SOWAC project 2012 First joint Seminar between Water Resources University, Vietnam and Kyushu University, Japan</i>			74 - 81	8/2012
15	Một số kết quả bước đầu về khảo sát động thái chất lượng nước hồ Trúc Bạch – Hà Nội	1	x	Tạp chí khoa học kỹ thuật thủy lợi & Môi trường, ISSN 1859 - 3941			38, 23 - 30	9/2012
16	Ứng dụng của phương pháp thể tích hữu hạn cho mô hình thấm không bão hòa trong môi trường đất do vôi tưới nhỏ giọt	2		Tạp chí khoa học kỹ thuật thủy lợi & Môi trường, ISSN 1859 - 3941			38, 31 - 38	9/2012
17	Dynamics of Water Quality in the Truc Bach Lake, Hanoi Capital, Vietnam	3	x	Journal of the Faculty of Agriculture, Kyushu University (Japan), ISSN 0023-6152	SCIE (IF:0,594; Q4)	1	58, 1, 145-151	2/2013

18	Một số kết quả bước đầu của việc áp dụng chế phẩm Aqualift của Nhật trong xử lý nước ao, hồ bị ô nhiễm	1	x	Tạp chí khoa học kỹ thuật thủy lợi & Môi trường, ISSN 1859 - 3941			40, 41 - 45	3/2013
19	Công tác quản lý chất lượng nước sinh hoạt nông thôn hiện nay và một số vấn đề cần giải quyết.	1	x	Tạp chí khoa học kỹ thuật thủy lợi & Môi trường, ISSN 1859 - 3941			40, 46 - 52	3/2013
20	Công tác lập kế hoạch dự phòng ứng phó về nước sạch và vệ sinh môi trường trong tình trạng khẩn cấp và BĐKH và một số vấn đề cần giải quyết.	1	x	Tạp chí NN&PTNT, ISSN 1859-4581			Số 11, kỳ 1 35 - 41	6/2013
21	Development of a model for simulation of velocity field in lakes under wind acting on their water surface	1	x	SOWAC project 2013 Second joint Seminar between Water Resources University, Vietnam and Kyushu University, Japan			112 - 117	8/2013
22	Nghiên cứu thí điểm áp dụng công nghệ xử lý nước ao, hồ bị ô nhiễm ở Việt Nam bằng chế phẩm Aqualift của Nhật Bản	1	x	Hội nghị khoa học thường niên 2013 ĐHTL, ISBN:978-604-82-0066-4			167 - 168	12/2013
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
23	The Initial Result of Development of	3	x	Journal of the Faculty of Agriculture,	SCIE (IF:0,594; Q4)	1	59 (1), 155 - 161	2/2014

	k-e Model for Simulation of Hydrodynamics in Lakes Toward to Simulation of Their Water Quality			Kyushu University (Japan), ISSN 0023-6152.				
24	Một số vấn đề chất lượng nước điển hình ở các vùng nước đứng nông	1	x	Hội nghị khoa học thường niên 2014 ĐHTL, ISBN:978-604-82-1388-6			292 - 295	11/2014
25	Nghiên cứu thành phần và đề xuất cách thức sử dụng tro xỉ từ lò đốt rác sinh hoạt phát điện	2	x	Tạp chí khoa học kỹ thuật thủy lợi & Môi trường, ISSN 1859 - 3941		2	48, 50 - 56	3/2015
26	Ảnh hưởng của chế độ nước mặt ruộng tới hàm lượng dinh dưỡng ni tơ và phốt pho dễ tiêu trong đất lúa tại huyện Phú Xuyên	2	x	Hội nghị khoa học thường niên 2015 ĐHTL, ISBN:978-604-82-1710-5			313 - 315	11/2015
27	Dự báo biến động đáy biển, đường bờ từ hoạt động của dự án "nạo vét, khơi thông luồng hàng hải khu kinh tế Vân Phong, kết hợp tận thu cát nhiễm mặn để xuất khẩu"	2	x	Tạp chí khoa học kỹ thuật thủy lợi & Môi trường, ISSN 1859 - 3941			51, 3 - 10	12/2015
28	Phát triển mô hình số mô phỏng chất lượng nước các sông vừa và nhỏ	1	x	Hội nghị khoa học thường niên 2015 ĐHTL, ISBN:978-604-82-1710-5			304 – 306	11/2015

29	Một số đặc điểm phú dưỡng hóa ở hồ Okubo – Nhật Bản	2	x	Hội nghị khoa học thường niên 2016 ĐHTL, ISBN:978-604-82-1980-2			477 - 479	11/2016
30	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới bền vững công trình cấp nước nông thôn	2		Hội nghị khoa học thường niên 2017 ĐHTL, ISBN:978-604-82-2274-1			412 – 414	11/2017
31	Nghiên cứu đánh giá phú dưỡng hóa ở một hồ nông của Nhật Bản	4	x	Tạp chí khoa học kỹ thuật thủy lợi & Môi trường, ISSN 1859 - 3941			57, 78 - 85	6/2017
32	Khảo sát, đánh giá ban đầu về tình trạng phú dưỡng của một hồ ở Hà Nội	2		Hội nghị Khoa học thường niên ĐHTL 2017, ISBN:978-604-82-2274-1			409 – 411	11/2017
33	Một số vấn đề về quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn hiện nay	2	x	Tạp chí KHKT thủy lợi & Môi trường, ISSN 1859 - 3941		2	61, 30 – 36	6/2018
34	Một số đặc điểm phú dưỡng ở một hồ nông nội đô Hà Nội	2	x	Tạp chí KHKT thủy lợi & Môi trường, ISSN 1859 - 3941		1	61, 52 – 61	6/2018
35	The eutrophication status of Hanoi Lakes and a case study of a shallow lake in the inner city	2		Hanoi Forum 2018 Towards sustainable development			164	11/2018
36	Application of a Genetic Algorithm for the calibration of eutrophication	5		International journal of earth sciences and engineering,	Scopus (H-index: 13)	3	12 (1), 1 - 15	2/2019

	model in an urban lake			ISSN: 0974-5904)				
37	Hiện trạng ô nhiễm của Phthalate trong bụi không khí tại một số khu vực ở Hà Nội và bước đầu đánh giá sự phơi nhiễm của DEHP với sức khỏe con người	3	x	Tạp chí KHKT thủy lợi & Môi trường, ISSN 1859 - 3941			64, 54 - 59	3/2019
38	Phân tích sự biến đổi theo mùa các yếu tố ảnh hưởng tới sự sinh trưởng của tảo ở một hồ nội đô Hà Nội sử dụng mô hình phú dưỡng	2	x	Tạp chí KHKT thủy lợi & Môi trường, ISSN 1859 - 3941			64, 60 - 68	3/2019
39	Phân tích, đánh giá khả năng ứng dụng của bãi lọc trồng cây nhân tạo để xử lý nước thải chăn nuôi lợn sau biogas	4	x	Tạp chí KHKT thủy lợi & Môi trường, ISSN 1859 - 3941			66, 10 - 15	9/2019
40	Một số kết quả bước đầu ứng dụng mô hình phú dưỡng mô phỏng kịch bản kỹ thuật ở hồ Cự Chính - Hà Nội	2	x	Hội nghị Khoa học thường niên ĐHTL 2019, ISBN:978-604-82-2981-8			469 - 471	11/2019
41	Assessment of Nutrients Removal by Constructed Wetlands Using Reed Grass (Phragmites australis L.) and Vetiver Grass	6	x	Journal of Faculty of Agriculture, Kyushu University, Japan. ISSN 0023-6152	SCIE (IF:0,594; Q4)	6	65 (1), 149 - 156	2/2020

	(Vetiveria Zizanioides L.)							
42	Selection of Suitable Filter Materials for Horizontal Subsurface Flow Constructed Wetland Treating Swine Wastewater	7	x	Water, Air & Soil pollution, Electronic ISSN: 1573- 2932 Print ISSN: 0049-6979	SCIE (IF: 2,984; H-index:127; Q2)	21	231 (2), 1 - 10	Online: 2/2020; Print: 4/2020
43	Use of Moringa oleifera seeds powder as bio-coagulants for the surface water treatment	8	x	International Journal of Environmental Science and Technology, Electronic ISSN: 1735 - 2630 Print ISSN: 1735 - 1472	SCIE (IF: 3,519; H-index: 93; Q1)	25	18, 8, 2173 - 2180	Online: 9/2020; Print: 7/2021
44	Mô hình hóa nhiệt độ hồ kín nội đô	2		Hội nghị Khoa học Thường niên ĐHTL 2020, ISBN: 978- 604-82-3869-8			298 - 300	11/2020
45	Changes in the Magnitude of the Individual and Combined Effects of Contaminants, Warming, and Predators on Tropical Cladocerans across 11 Generations	4		Environmental Science & Technology, Web ISSN: 1520-5851; Print ISSN: 0013-936X	SCIE (IF: 11,357; H-index: 456; Q1)	5	54, 23, 15287– 15295	11/2020
46	Analysis of the Principal Factors Affecting the Algae Growth in an Urban	2	x	Water, Air & Soil pollution,	SCIE (IF: 2,984; H-index: 127; Q2)	3	231, 11, Article 537 (Electronic)	Online: 10/2020 Print: 11/2020

	Eutrophic Shallow Lake by an Ecosystem Model			Electronic ISSN: 1573-2932; Print ISSN: 0049-6979				
47	Ecological Risk Assessment of Heavy Metals in Sediments of Duyen Hai Seaport Area in Tra Vinh Province, Vietnam	6	x	Water, Air & Soil pollution, Electronic ISSN: 1573-2932; Print ISSN: 0049-6979	SCIE (IF: 2,984; H-index: 127; Q2)	11	232, 2, Article 49 (Electronic)	Online: 1/2021; Print: 2/2021
48	Eutrophication Status of Lakes in Inner Hanoi and a Case Study of Cu Chinh Lake	6	x	Journal of the Faculty of Agriculture, Kyushu University, Japan. ISSN 0023-6152	SCIE (IF: 0,594)	4	66, 1, 97 - 104	3/2021
49	Assessment of Rice Straw–Derived Biochar for Livestock Wastewater Treatment	8	x	Water, Air & Soil pollution, Electronic ISSN: 1573-2932; Print ISSN: 0049-6979	SCIE (IF: 2,984; H-index: 127; Q2)	16	232, 4, Article 162 (Electronic)	4/2021
50	Monitoring Water Quality in Lien Son Irrigation System of Vietnam and Identification of Potential Pollution Sources by Using Multivariate Analysis	9	x	Water, Air & Soil pollution, Electronic ISSN: 1573-2932; Print ISSN: 0049-6979	SCIE (IF: 2,984; H-index: 127; Q2)	6	232, 5, Article 187 (Electronic)	Online: 4/2021; Print: 5/2021
51	Mô phỏng kịch bản kỹ thuật để kiểm soát phú dưỡng trong hồ nông: trường	2	x	Tạp chí khoa học kỹ thuật thủy lợi & Môi trường, ISSN 1859 - 3941			74, 136 - 143	6/2021

	hợp với hồ Cự Chính, Hà Nội							
52	Investigation and Assessment of Road Traffic Noise: A Case Study in Ho Chi Minh City, Vietnam	5	x	Water, Air & Soil pollution, Electronic ISSN: 1573-2932; Print ISSN: 0049-6979	SCIE (IF: 2,984; H-index: 127; Q2)	3	232, 7, Article 259 (Electronic)	Online: 6/2021; Print: 7/2021
53	Nghiên cứu ứng dụng sản phẩm Bakture (Back to Nature) xử lý nước mặt bị ô nhiễm	4	x	Tạp chí Nông nghiệp & PTNT, ISSN 1859 - 4581			13, 1, 91 - 99	7/2021
54	Investigation of Nitrogen and Phosphorus Recovery from Swine Wastewater by Struvite Crystallization	8	x	Journal of the Faculty of Agriculture, Kyushu University, Japan. ISSN 0023-6152	SCIE (IF: 0,594)	3	67, 1, 65 - 74	3/2022
55	The use of Machine Learning algorithms for evaluating water quality index: A survey and perspective	5		2022 International Conference on Multimedia Analysis and Pattern Recognition (MAPR) IEEE Catalog Number: CFP22MAP-ART (Xplore); ISBN: 978-1-6654-74108 (Xplore); Online ISSN: 2770-6850	Scopus	1	1 - 6	10/2022
56	Predicting Water Quality Index (WQI) by feature selection and	9	x	Ecological Informatics	SCIE (IF: 5,1; H-index: 66;	11	74, Article 101991	Online: 1/2023;

machine learning: A case study of An Kim Hai irrigation system			Print ISSN: 1574-9541 Online ISSN: 1878-0512	Q1)			Print: 5/2023
--	--	--	---	-----	--	--	---------------

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 12: [23], [41], [42], [43], [46], [47], [48], [49], [50], [52], [54], [56].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

.....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Môi trường trình độ Đại học (rà soát, sửa đổi, bổ sung năm 2017 & 2020)	Chủ trì rà soát	QĐ bổ nhiệm Trưởng khoa số 629/QĐ-ĐHTL ngày 01/04/2016; Thông báo số 149/TB-ĐHTL ngày 21/02/2017 về kế hoạch rà soát, điều chỉnh Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo; QĐ số 250a/QĐ-ĐHTL ngày 21/02/2017; Thông báo số 549/TB-ĐHTL ngày 22/07/2020 về kế hoạch triển khai điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ Đại học, hệ chính quy, áp dụng từ khóa 62; QĐ số 1085a/QĐ-ĐHTL ngày 22/07/2020	Đại học Thủy lợi	QĐ số 2058a/QĐ-ĐHTL ngày 25/09/2017 của Hiệu trưởng ĐHTL; QĐ số 1840/QĐ-ĐHTL ngày 06/11/2020 của Hiệu trưởng Đại học Thủy lợi	Giấy xác nhận số 588/GXN-ĐHTL ngày 5/7/2021 của Đại học Thủy lợi
2	Chương trình đào tạo Cao học Khoa học Môi trường (rà soát, sửa đổi, bổ sung)	Chủ trì rà soát	QĐ bổ nhiệm P.Trưởng khoa số 486/QĐ-ĐHTL ngày 01/06/2011 và QĐ bổ nhiệm Trưởng BM số 1232/QĐ-ĐHTL ngày 24/09/2010; Văn bản phân công nhiệm vụ số 01/KMT ngày 5/1/2015 của Khoa Môi trường	Đại học Thủy lợi	QĐ số 259/QĐ-ĐHTL ngày 12/01/2016 của Hiệu trưởng Đại học Thủy lợi	Giấy xác nhận số 588/GXN-ĐHTL ngày 5/7/2021 của Đại học Thủy lợi
3	Chương trình đào tạo Cao học Kỹ thuật Môi trường (rà soát,	Tham gia	QĐ bổ nhiệm P.Trưởng khoa số 486/QĐ-ĐHTL ngày 01/06/2011;	Đại học Thủy lợi	QĐ số 259/QĐ-ĐHTL ngày 12/01/2016 của Hiệu trưởng Đại học Thủy lợi	Giấy xác nhận số 588/GXN-ĐHTL ngày 5/7/2021

	sửa đổi, bổ sung)		Văn bản phân công nhiệm vụ số 01/KMT ngày 5/1/2015 của Khoa Môi trường			của Đại học Thủy lợi
4	Chương trình đào tạo trình độ Tiến sỹ chuyên ngành Môi trường đất và nước (rà soát, sửa đổi, bổ sung)	Chủ trì rà soát	QĐ bổ nhiệm Trưởng khoa số 629/QĐ-ĐHTL ngày 01/04/2016 và QĐ bổ nhiệm Trưởng BM số 1232/QĐ-ĐHTL ngày 24/09/2010; QĐ số 1048a/QĐ-ĐHTL ngày 30/05/2016	Đại học Thủy lợi	QĐ số 3205/QĐ-ĐHTL ngày 30/12/2016 của Hiệu trưởng Đại học Thủy lợi	Giấy xác nhận số 588/GXN-ĐHTL ngày 5/7/2021 của Đại học Thủy lợi
5	Chương trình đào tạo trình độ Tiến sỹ chuyên ngành Kỹ thuật Môi trường (rà soát, sửa đổi, bổ sung)	Tham gia	QĐ bổ nhiệm Trưởng khoa số 629/QĐ-ĐHTL ngày 01/04/2016 và QĐ bổ nhiệm Trưởng BM số 1232/QĐ-ĐHTL ngày 24/09/2010; Văn bản phân công nhiệm vụ số 03/KMT ngày 6/6/2016	Đại học Thủy lợi	QĐ số 3205/QĐ-ĐHTL ngày 30/12/2016 của Hiệu trưởng Đại học Thủy lợi	Giấy xác nhận số 588/GXN-ĐHTL ngày 5/7/2021 của Đại học Thủy lợi

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ☒

[41] Assessment of Nutrients Removal by Constructed Wetlands Using Reed Grass (*Phragmites australis* L.) and Vetiver Grass (*Vetiveria Zizanioides* L.) (Hoặc **[23] The Initial Result of Development of k-e Model for Simulation of Hydrodynamics in Lakes Toward to Simulation of Their Water Quality**)

[49] Assessment of Rice Straw-Derived Biochar for Livestock Wastewater Treatment

[50] Monitoring Water Quality in Lien Son Irrigation System of Vietnam and Identification of Potential Pollution Sources by Using Multivariate Analysis

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu (UV đã chủ trì 01 đề tài Nafosted cấp Nhà nước, 01 đề tài nhánh của đề tài Cấp Nhà nước và 03 đề tài tương đương cấp Bộ như đã kê khai ở trên, nếu vẫn không đảm bảo UV xin đề xuất CTKH sau):

[54] Investigation of Nitrogen and Phosphorus Recovery from Swine Wastewater by Struvite Crystallization (Hoặc [52] Investigation and Assessment of Road Traffic Noise: A Case Study in Ho Chi Minh City, Vietnam)

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Bùi Quốc Lập